TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS - ST
Ngày: 31/3/2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Lom.
2. Ông Trương Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2022/TLST - DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1974; địa chỉ: đường A KV B, phường AB, quận NK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Võ Ngọc K - Sinh năm: 1977; địa chỉ thường trú: số B đường NTT, phường BHN, quận BT, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: đường số xx, khu dân cư N, phường PT, quận CR, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Ông Trần Ngọc Đ - Sinh năm: 1970; địa chỉ thường trú: số S đường CMT 8, phường BHN, quận BT, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Lô o, đường HL, khu dân cư HQ, ấp ML, xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

* *Bị đơn*: Anh Trần Văn M - Sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp HA, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/02/2022, anh Nguyễn Văn C cho anh Trần Văn M vay số tiền 600.000.000đồng, vay không lãi, lúc vay có làm giấy viết tay đề ngày 01/02/2022. Thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 01/02/2022 đến ngày 01/5/2023.

Ngày 11/02/2022, anh C và anh M lập hợp đồng vay tài sản có chứng thực tại Văn phòng Công chứng, thỏa thuận lãi là 1,5%/tháng. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 11/02/2022 đến ngày 11/5/2023.

Tuy nhiên, kể từ ngày nhận tiền thì ông M chỉ trả cho anh C 45.000.000đồng tiền lãi mà không có trả tiền nợ gốc.

Nay anh Nguyễn Văn C yêu cầu anh Trần Văn M trả lại số tiền nợ gốc là 600.000.000đồng và số tiền lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 11/02/2022 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2023) là 171.450.000đồng. Trong đó lãi trong hạn (3 tháng) là 27.000.000đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn (1,5 lần lãi trong hạn) là 144.450.000đồng.

Do trong thời gian vay, anh M có trả được 45.000.000đồng lãi nên số tiền lãi còn lại là 126.450.000đồng. Tổng số nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu là 726.450.000đồng.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/02/2022, nay nguyên đơn thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 11/02/2022 đến đến khi xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn C yêu cầu anh Trần Văn M trả số tiền nợ gốc là 600.000.000đồng và số tiền lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 11/02/2022 đến khi xét xử sơ thẩm là 171.450.000đồng. Do anh M có trả 45.000.000đồng tiền lãi (chuyển khoản Ngân hàng trong nhiều lần). Do vậy, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 126.450.000đồng. Tổng nợ gốc và lãi còn lại là 726.450.000đồng.

Đề chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn có nộp cho Tòa án biên nhận nợ đề ngày 01/02/2022 do anh Trần Văn Mới ký và Hợp đồng vay tài sản ngày 11/02/2022 có chứng thực của Văn phòng Công chứng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tại Thông báo giao nộp chứng cứ số: 111/TB - TA ngày 17 tháng 11 năm 2022 Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mình không có nợ hoặc nợ nguyên đơn ít hơn số tiền nợ gốc là 600.000.000đồng nhưng bị đơn không chứng minh được. Từ đó cho thấy, việc bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 600.000.000đồng là có xảy ra.

[2.1] Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo "*Hợp đồng vay tài sản ngày 11/02/2022*", với lãi suất trong hạn là 1,5%/tháng từ khi vay tiền (từ ngày 11/02/2022 đến ngày 11/5/2022) và lãi trên nợ gốc quá hạn (2,25%/tháng sau ngày 11/5/2022) với tổng số tiền lãi còn lại là 126.450.000đồng.

Hội đồng xét thấy, Hợp đồng vay tài sản ngày 11/02/2022 ghi rõ việc giao nhận tiền là ngoài sự chứng kiến của công chứng viên (không có chứng thực việc giao tiền), thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 11/02/2022), giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không có văn bản hay thỏa thuận gì thể hiện số

tiền vay ngày 11/02/2022 là số tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn vào ngày 01/02/2022. Mốc thời gian vay tiền và mốc thời gian trả nợ của 02 thỏa thuận là khác nhau. Nguyên đơn cho rằng bị đơn có đóng lãi trong thời gian vay nhưng căn cứ vào bảng "*Sao kê tài khoản*" mà nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện việc bị đơn có chuyển tiền cho nguyên đơn chứ không ghi là đóng lãi như nguyên đơn trình bày.

Từ đó cho thấy, thỏa thuận vay 600.000.00đồng ngày 11/02/2022 và thỏa thuận vay 600.000.00đồng ngày 01/02/2022 là 02 thỏa thuận khác nhau và thỏa thuận ngày 11/02/2022 với lãi 1,5%tháng như nguyên đơn trình bày là chưa xảy ra. Nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận này là không có căn cứ để được chấp nhận.

[2.1.2] Căn cứ "*Biên nhận nợ đề ngày 01/02/2022*", thể hiện đây là việc cho mượn tiền (không có tính lãi), thời hạn trả nợ là 03 tháng (từ ngày 01/02/2022 đến ngày 01/5/2022). Căn cứ bản "*Sao kê tài khoản*" mà nguyên đơn giao nộp thì trong thời gian vay bị đơn có trả cho nguyên đơn 18.000.000đồng (ngày 08/3/2022 trả 9.000.000đồng, ngày 09/4/2022 trả 5.000.000đồng, ngày 20/4/2022 trả 4.000.000đồng). Do số tiền này trả trong thời hạn vay (mượn) nên được trừ vào số tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn lại là 582.000.000đồng.

Sau ngày 01/5/2022 là bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ và do các bên không có thỏa thuận lãi chậm trả nên việc tính lãi được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự (10%/năm = 0,83%/tháng), tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 11 tháng với số tiền là 53.136.600đồng. Do bị đơn đã trả được 27.000.000đồng (trong tổng số 45.000.000đồng) nên số tiền lãi còn lại bị đơn phải trả là 26.136.600đồng.

Do vậy, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi là 608.136.600đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Các điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Trần Văn M phải trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 582.000.000đồng (năm trăm tám mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi là 26.136.600đồng (hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm đồng). Tổng cộng là 608.136.600đồng (sáu trăm lẻ tám triệu một trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C đối với số tiền chênh lệch là 118.314.000đồng (một trăm mười tám triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh Trần Văn M phải nộp 28.325.000đồng (hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C phải nộp 5.916.000đồng (năm triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng) tiền án phí đối với số tiền không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.950.000đồng (mười lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008510 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ là 10.034.000đồng (mười triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục THADS huyện Chợ Lách;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);*
- *Lưu hsva, Vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú